

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2019/LĐ-ST

Ngày: 26 – 02 – 2019

V/v “Tranh chấp giữa
người giúp việc gia đình với
người sử dụng lao động”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Hân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Sỹ Hùng
2. Bà Trần Thị Mỹ Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Vân, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 26 tháng 02 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2018/TLST- LĐ ngày 12 tháng 12 năm 2018 về việc “Tranh chấp giữa người giúp việc gia đình với người sử dụng lao động” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2019/QĐXXST-LĐ ngày 25 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự.

- Nguyên đơn: Bà Trương Kim P, sinh năm: 1975. (có mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp Rạch M, xã Phú H, huyện C1, tỉnh C.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm: 1964. (có mặt)

Địa chỉ cư trú: Số 70G, ấp B, xã L, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Trương Kim P trình bày và yêu cầu như sau:

Ngày 02/6/2014 âm lịch bà Nguyễn Thị Đ thuê bà giúp việc nhà cho bà Đ, không thỏa thuận thời điểm chấm dứt việc thuê mướn mướn. Bà làm cho bà Đ đến đầu tháng 10/2018 âm lịch thì bà Đ cho bà nghỉ việc. Trong năm 2018, bà bắt đầu vào làm cho bà Đ từ ngày 02/01/2018 âm lịch. Tiền công lao động bà và bà Đ thỏa thuận 3.300.000đ/tháng; tiền công trả vào đầu tháng tiếp theo của tháng làm việc; thời gian làm việc trọn tháng kể cả ngày thứ 7 và Chủ nhật. Việc thuê mướn và thỏa thuận nêu trên chỉ bằng lời nói, không ký kết Hợp đồng lao động, cũng không lập thành văn bản nào khác. Đến ngày 02/8/2018 âm lịch bà Đ tăng lương cho bà 200.000đ/tháng nên từ tháng 8/2018 âm lịch tiền công mỗi tháng là 3.500.000đ. Quá trình làm việc, bà Đ trả đầy đủ tiền công cho bà đến hết tháng 9/2018 âm lịch. Bà tiếp tục giúp việc nhà cho bà Đ đến ngày 02/11/2018

âm lịch. Ngày 02/11/2018 âm lịch bà Đ cho bà nghỉ việc nhưng không trả tiền công lao động tháng 10 âm lịch cho bà. Nay bà yêu cầu Tòa án buộc bà Đ trả cho bà khoản tiền công lao động còn nợ bà với số tiền 3.500.000 đồng. Ngoài ra bà không yêu cầu gì khác.

- Các thoả thuận giữa bà và bà Đ chỉ bằng lời nói, không lập thành văn bản, nên bà không có chứng cứ gì để chứng minh và giao nộp cho Tòa án.

Tại bản tự khai ngày 21/02/2019, bà Nguyễn Thị Đ trình bày ý kiến như sau:

- Khoảng tháng 02/2018 âm lịch bà thuê bà Trương Kim P làm việc nhà cho bà. Bà với bà P thỏa thuận thời gian làm việc vài giờ mỗi ngày, tiền công lao động mỗi tháng 3.000.000đ, thỏa thuận bà trả lương đầu tháng (ngày 02 âm lịch hàng tháng) trước khi bà P làm việc. Việc thuê mướn và thỏa thuận nêu trên bà và bà P chỉ thỏa thuận bằng lời nói, không ký kết Hợp đồng lao động, cũng không lập thành văn bản. Ngày 02/9/2018 âm lịch, bà P ứng lương 3.000.000đ. Ngày 09/9/2018 âm lịch bà P tạm nghỉ. Ngày 20/9/2018 âm lịch bà P vào làm lại. Đến ngày 02/10/2018 âm lịch bà P lại ứng lương 3.000.000đ rồi bà P trả lại bà 10 ngày bà P nghỉ làm của tháng 9/2018 âm lịch. Do nhà trọ bà vắng khách nên bà cho bà P nghỉ việc, đồng thời cho bà P 500.000đ và nghĩ rằng hai bên đã thỏa thuận xong. Bà không đồng ý trả cho bà P 3.500.000đ vì bà đã cho bà P ứng tiền công lao động tháng 10 vào ngày 02/10/2018 âm lịch.

- Thỏa thuận giữa bà và bà P chỉ bằng lời nói nên bà không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh và giao nộp cho Tòa án.

Tại phiên tòa xét xử, bà Đ trình bày và thừa nhận như sau: Bà đã thuê bà P giúp việc cho bà khoảng 04 năm nay, bà không nhớ rõ ngày tháng bắt đầu thuê. Quá trình thuê, bà đã trả lương đầy đủ cho bà P. Những lúc bà P cần tiền để chi xài bà cũng cho bà P ứng trước tiền lương, bà P cần nghỉ phép bà P cũng được nghỉ phép. Do bà P còn phải giặt thêm quần áo cho cháu bà nên tiền công bà trả cho bà P 3.500.000đ/tháng. Ngày 02/10/2018 bà P tiếp tục ứng lương 3.500.000đ rồi trả lại bà 1.000.000đ do tháng 9 bà P nghỉ làm 10 ngày. Ngày 02/11/2018 âm lịch bà cho bà P nghỉ việc. Bà không đồng ý trả bà P số tiền 3.500.000 đồng do bà đã cho bà P ứng trước tiền công tháng 10 vào ngày 02/10/2018 âm lịch.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tổ tụng dân sự: Bà Trương Kim P khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Đ thanh toán cho bà tiền công bà giúp việc nhà cho bà Đ. Tranh chấp giữa bà P và bà Đ được xác định là tranh chấp giữa người giúp việc gia đình với người sử dụng lao động, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân. Bà Nguyễn Thị Đ có địa chỉ cư trú tại thành phố Cà Mau. Do đó Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau thụ lý giải quyết và tiến hành xét xử vụ án là đúng theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 32, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Bà P và bà Đ thỏa thuận bà P giúp việc nhà cho bà Đ. Bà P cho rằng bà Đ chưa trả tiền công cho bà nên bà khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Đ trả tiền công lao động cho bà. Do đó tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp giữa người giúp việc gia đình với người sử dụng lao động, mà cụ thể là tranh chấp thanh toán tiền công lao động.

[3] Về trách nhiệm thanh toán và số tiền thanh toán:

Bà P cho rằng tiền công lao động mỗi tháng bà Đ trả cho bà kể từ tháng 8/2018 âm lịch là 3.500.000đ. Quá trình giúp việc, bà Đ chưa trả cho bà tiền công lao động tháng 10/2018 âm lịch nên bà yêu cầu bà Đ trả bà 3.500.000 đồng. Tại phiên tòa, bà Đ cũng

thừa nhận bà có thuê bà P giúp việc nhà cho bà, tiền công lao động là 3.500.000đ/tháng. Do đó có căn cứ xác định tiền công của bà Đ là 3.500.000đ/tháng.

Bà P trình bày tiền công thỏa thuận trả vào đầu tháng tiếp theo của tháng bà làm việc. Bà Đ có cho bà ứng trước tiền lương, nhưng đến ngày trả lương thì bà Đ sẽ trừ lại số tiền bà ứng trước. Tháng 9/2018 bà nghỉ 10 ngày nên ngày 02/10/2018 âm lịch khi trả lương, bà và bà Đ thống nhất trừ lại 1.000.000đ, bà Đ chỉ trả bà 2.500.000 đồng. Không có việc bà ứng tiền lương tháng 10/2018 âm lịch với số tiền 3.500.000 đồng rồi trả lại bà Đ 1.000.000đ. Bà Đ cho rằng tiền công thỏa thuận trả vào đầu tháng trước khi bà P làm việc; bà đã cho bà P ứng trước 3.500.000đ tiền công lao động tháng 10/2018 âm lịch vào ngày 02/10/2018 âm lịch nên bà không đồng ý trả bà P 3.500.000 đồng theo yêu cầu của bà P.

Hội đồng xét xử xét thấy: Tại bản tự khai ngày 21/02/2019 bà Đ khai bà và bà P thỏa thuận bà “trả lương” cho bà P vào đầu tháng trước khi bà P làm việc; ngày 02/10/2018 âm lịch bà cho bà P “ứng lương” tháng 10 với số tiền 3.000.000đ. Tại phiên tòa bà Đ khai ngày 02/10/2018 âm lịch bà cho bà P ứng lương 3.500.000 đồng. Điều này thể hiện sự mâu thuẫn, không thống nhất giữa chính lời khai của bà Đ trong cùng một bản khai và mâu thuẫn giữa lời khai của bà Đ tại bản tự khai với lời khai của bà Đ tại phiên tòa. Nếu thỏa thuận trả lương trước khi làm việc thì số tiền bà Đ đưa bà P ngày 02/10/2018 âm lịch là tiền lương bà Đ phải trả bà P chứ không thể xem đó là số tiền bà Đ cho bà P “ứng lương” như bà Đ trình bày. Việc trả lương cho người lao động trước khi họ làm việc là vấn đề không phù hợp với thực tế xã hội giữa người sử dụng lao động với người lao động khi chưa phát sinh quan hệ lao động. Bà Đ và bà P có quyền thỏa thuận trả lương trước khi bà P làm việc nhưng bà P không thừa nhận điều này, trong khi bà Đ không chứng minh được bà và bà P có thỏa thuận trả lương trước khi làm việc. Do đó, số tiền bà Đ đưa bà P vào ngày 02/10/2018 âm lịch không được xem là tiền tạm ứng lương tháng 10/2018 âm lịch, mà được xác định là tiền trả công lao động tháng 9/2018 âm lịch. Mặc dù không ký hợp đồng lao động bằng văn bản nhưng giữa bà Đ và bà P có giao kết hợp đồng lao động bằng lời nói, nên bà Đ phải thực hiện nghĩa vụ của người sử dụng lao động theo quy định pháp luật. Vì vậy yêu cầu của bà P về việc buộc bà Đ thanh toán cho bà tiền công lao động tháng 10/2018 âm lịch với số tiền 3.500.000đ là có cơ sở chấp nhận. Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà P là phù hợp.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 5, khoản 2 Điều 6, Điều 15 của Bộ luật lao động;
- Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 32, Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1 - Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Kim P - buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Đ thanh toán tiền công lao động cho bà Trương Kim P số tiền 3.500.000 đồng (*ba triệu năm trăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày bà P có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Đ không tự nguyện thi hành xong khoản tiền nêu trên, thì hàng tháng phải chịu thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thi hành án.

2 - Án phí dân sự sơ thẩm về lao động 300.000 đồng bà Nguyễn Thị Đ phải nộp (chưa nộp). Bà Trương Kim P không phải chịu án phí. Bà P đã được miễn dự nộp tiền tạm ứng án phí nên không đặt ra việc xử lý.

3 - Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp. Cà Mau;
- Chi cục THADS Tp. Cà Mau;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ; Văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Ngọc Hân